Quyển 11 (Kinh số 273 - 282)

Kinh Tạp A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

310 KINH TẠPA-HÀM

QUYỂN 11 273. VÍ DỤ TIẾNG vỏ CỦA HAI BÀN TAY1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo một mình ở chỗ vắng, tư duy như vầy: "Thế nào là ngã? Ngã tạo ra gì? Những gì là ngã? Ngã trụ vào dâu?" Sau đó5 vi ấy xả thiền, đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Con một mình ở chỗ vắng tư duy thế này: "Thế nào là ngã? Ngã tạo ra gì? Những gì là ngã? Ngã trụ vào d2u?" Phật nói với Tỳ-kheo: Bây giờ, Ta sẽ nói cho thầy nghe về hai pháp, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Là hai pháp nào? Mắt và sắc là hai, tai và tiếng là hai, mũi và mùi là hai, lưỡi và vị là hai, thân và xúc là hai, ý và pháp là hai. Đó gọi là hai pháp. Này Tỳ-kheo! Nêu có người nói: "Hai pháp mà Sa-môn Cù-đàm nói đó chẳng phải là hai. Nay tôi bỏ hai pháp ấy và lập lại hai pháp khác." Nhưng người này chỉ nói suông, khi hỏi đến thì không biết, chỉ tăng thêm nghi ngờ, vì đây chẳng phải là cảnh giới của họ. Tại sao? Vì mắt duyên với sắc mới sanh ra nhãn thức. [0072c02] Này Tỳ-kheo! Đôi mắt ấy là một khối thịt, ở bên trong, do nhân duyên, thể rắn, là chỗ tiếp nhận, đó là yếu tố địa đại bên trong đôi mắt thịt. Này Tỳ-kheo! Đôi mắt thịt ấy, ở bên trong, do nhân duyên, nước mắt tươm ra, là chỗ tiếp nhận, đó là yếu tố thủy đại bên trong đôi mắt thịt. Này Tỳ-kheo! Đôi mắt thịt ấy, ở bên trong, do nhân duyên, hơi ấm toát ra, là chỗ tiếp nhận, đó là yếu tố hỏa đại bên trong đôi mắt thịt. Này Tỳ-kheo! Đôi mắt thịt ấy, ở bên trong, do nhân duyên, chuyển động nhẹ nhàng, là chỗ tiếp nhận, đó là yếu tố phong đại bên trong đôi mắt thịt. Này Tỳ-kheo! Ví như vỗ hai bàn tay vào nhau sẽ phát ra âm thanh. Cũng vậy, mắt duyên sắc sanh ra nhãn thức, ba yếu tố này hòa hợp gọi là xúc, xúc

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.273. 0072Ò20). Tham chiếu: s. 35.92 - IV. 67; 5. 35.93 - iv. 67.

QUYỂN If 311

sanh ra thọ, tưởng, tư. Các pháp này đều chẳng phải ngã, chẳng thường hằng, là cái ngã vô thường, không lâu dài, chẳng an ổn? là cái ngã đổi thay. Vì sao như vậy? Này Tỳ-kheo! Vì đó là ph dẫn đến tái sanh như sanh, già, chết và hoại diệt. Này Tỳ-kheo! Các hành như trò huyễn thuật, như sóng nắng, nhanh chóng hoại diệt trong từng sát-na, không thật đến, không thật đi. Thế nên, này Tỳ-kheo! Đoi với tánh không của các hành23cần nên biết, nên hoan hỷ, nên nghĩ nhớ, rằng: "Tánh không của các hành là thường, là hằng, là tồn tại, là pháp không thay đổi, là không có ngã và ngã s&."3 Ví như một người có mắt sáng, tay cầm đèn sáng đi vào căn nhà trống rồi ở trong căn nhà trống đó mà quán sát. Cũng vậy, này Tỳ-kheo! Đối với tánh không của các hành, tâm quán sát, hoan hỷ9 rằng tánh không của các hành là thường, là hang, là ton tại, là pháp không thay đổi, là không có ngã và ngã sở. r Cũng như mat, với tai, mũi, lưỡi, thân và ý với pháp, nhân duyên sanh ra ý thức, ba thứ này hòa hợp gọi là xúc, xúc sanh ra thọ, tưởng, tư. Các pháp này là vô ngã, vô thường... cho đến không có ngã, ngã sở. Này

Tỳ-kheo! Ý thầy nghĩ sao? Mắt là thường hay vô thường? Bạch Thế Tôn, là vô thường! Phật lại hỏi: - Nếu vô thường là khổ chăng? Tỳ-kheo thưa: - Bạch Thế Tôn, là khổ! Phật lại hỏi: - Nếu vô thường và khổ là pháp thay đổi, vị Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong ấy thấy là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Tỳ-kheo thưa: -Bạch Thế Tôn, không nên! Với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Quán chiếu như vậy, vị Thánh đệ tử đa văn đối với mắt sanh nhàm chán, vì nhàm chán nên không ưa thích, không ưa thích thì được giải thoát, giải thoát tri kiến: uSự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.^, Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng sanh nhàm chán như the.

2 Nguyên tác: Không chư hành Bản tánh của các hành vốn là không. Tham chiếu: Trung luận r.30. 1564.02. 0017Ồ08: Vì sao biết được tất cả các hành đều là nghĩa không? Đáp: Tát cả các hành thực chất hư vọng cho nên là không. Các hành sanh diệt khôngrdừng nghỉ, không tự tánh dio nên là không. Các hành là tên gọi ngũ ấm, vì từ hành mà sanh nên ngũ ấm được gọi là hành :,.,.

Nguyên tác:.C6 khả năng dư chữ "kh6ng",vì ở đoạn kế tiếp lại ghi: 3 Wĩ.

312 KINH TẠP A-HÀM

Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy nghe Phật thuyết Kinh ví dụ tiếng vỗ của hai bàn tay xong, một mình đến chỗ vắng, chuyên tâm tư duy, sông không buông lung... (cho đến) tự biết không còn thọ thân sau, trở thành A-la-hán. ***

274. HẠNH BUÔNG Bỏ4 _ Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. __ Ạ rr^i A rr^ A 1_ 9 A 1 L _ Bây giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: -Những gì không phải của các thầy, các thầy nên buông bỏ, buông bỏ hết những pháp đó rồi, các thầy sẽ luôn được an vui. Này các Tỳ-kheo! Ý các thầy thế nào? ở trong rừng Kỳ Hoàn này có các loài cỏ cây, cành, lá, nếu có người đên lây di, các thây có nghĩ răng: "Những vật này là của ta, sao người kia lại tự ý đến lấy đi vay?" Các Ty-kheo đáp: Bạch Thế Tôn! Chúng con không nghĩ thế. Vì sao như vậy? Vì những vật ấy chẳng phải là ta, chẳng phải của ta. Phật dạy: -Tỳ-kheo các thây cũng lại như vậy! Đôi với vật không phải của mình thì phải buông bỏ hết, buông bỏ những pháp này rồi, các thầy sẽ luôn được an vui. Những gì không phải là của các thầy? Đó là mắt, mắt không phải của các thầy, các thầy phải buông bỏ, buông bỏ pháp ấy rồi các thầy sẽ luôn được an vui. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Thế nào, này các Tỳ-kheo! Mắt là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn? là vô thường! Phật lại hỏi: -Vô thường là khổ chăng? Các Tỳ-kheo thưa: -Bạch Thế Tôn, là khổ! Phật lại hỏi: -Nếu vô thường và khổ là pháp thay đổi, vị Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng?

4 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.274. 0073a02). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.269. 0070001); s. 22.33 - III. 33; s. 22.34 -III. 34; s. 35.101 - IV. 8ly 35.102 -IV. 82; í 35.138 -IV. 128; S. 35.139 -IV. 129.

Các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, không phải vậy! Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Vị Thánh đệ tử đa văn đối với sáu nhập xứ này phải quán sát là chẳng phải ta, chẳng phải của ta. Quán sát như thế rồi, các thầy đối với các pháp thế gian không còn chấp thủ, nhờ không chấp thủ nên không đắm trước, do không đắm trước nên tự mình chứng đắc Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

275. TỲ-KHEO NAN-ĐÀ5 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có người nói: "Nguôi được sức mạnh nhất chỉ có Nan-da?9 Đây là lời nói đúng. Hoặc có người nói: "Người khôi ngô tuấn tú nhất chỉ có Nan-da.99 Lời nói này cũng không sai. Lại có người nói: "Người ái dục nặng nhất chỉ có Nan-da?9 Nói vậy cũng rất đúng. Này các Tỳ-kheo! Thế nhưng, hiện nay, Nan-đà đã đóng hết các căn, ăn uống tiết độ? đầu đêm và cuối đêm chuyên cần tu tập, thành tựu chánh trí, có thể sống trọn đời thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch. Do Tỳ-kheo Nan-đà đóng kín các căn nên khi mát thây sác không năm giữ tướng của sắc, không nắm giữ tướng riêng tốt đẹp.6*Nếu nhãn căn không được phòng hộ kỹ càng, bị vô minh ngăn che và tham luyến the gian thì phải phát khởi các sự phòng hộ, không cho tham ái, pháp ác, bất thiện lọt vào tâm để phòng hộ nhãn căn. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý căn cũng sanh khởi các sự phòng hộ. Đó gọi là Tỳ-kheo Nan-đà đóng kín các căn. [0073b05] An uống tiết độ nghĩa là, đối với sự ăn uống, Tỳ-kheo Nan-đà luôn nghĩ rằng: "Không vì tự cao, không vì buông lung, không tham đắm mùi vị, không bồi bổ thân thể, chỉ ăn vừa đủ nuôi thân, không kể ngon dở, cốt trừ đói khát, để tu Phạm hạnh; vì để những cảm thọ khổ đã khởi thì được diệt trừ,

5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.275. 0073a22). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1066.Ồ277a09j; Biệt Tạp.•(02. 0100.6. 0375al9); A. 8.9 - IV. 166. 6 Nguyên tác: Bất thủ sắc tướng, bất thủ tùy hình hảo (Tham chiếu: Tạp. (T.02. 0099.1165. 0311bl0): Mạc thủ sắc tướng, mạc thủ tùy hình hảo ().Xem thêm S. 35.127 -,IV. 110: Cakkhunā rūparn disvā mã nimittaggāhino ahuvattha, mānubyañjanaggāhino (Sau khi mắt thấy sắc, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có năm giữ tướng riêng), HT. Thích Minh Châu dịch.

những cảm thọ chưa khởi thì khiến nó không khởi; vì để thành tựu được ý chí cao thượng, vì khí lực an ổn, sống không lỗi lầm. Ví như người chạy xe phải bôi dầu mỡ vào xe, chứ không phải vì tự cao5... (cho đến) vì để trang nghiêm mà cốt yếu là vì việc chuyên chở. Lại ví như người bôi thuốc vết thương, không phải vì thích mùi thuốc mà chính vì muốn hết đau nhức. Cũng vậy, thiện nam Nan-đà ăn uống biết tiết độ cho đến sống không lỗi lầm, đó gọi là Nan-đà biết ăn uông chừng mực. Thiện nam Nan-đà kia đầu đêm, cuối đêm chuyên cần tu tập ra sao? Là Nan-đà kia ban ngày thì kinh hành, tọa thiền để trừ bỏ ám chướng giúp thân được thanh tịnh; đâu đêm kinh hành, tọa

thiên nhăm trừ bỏ ám chướng, đê cho thân được thanh tịnh; nửa đêm ra ngoài phòng rửa chân roi vào thát năm nghiêng bên phải, hai chân chồng lên nhau, buộc niệm vào tưởng ánh sáng, tâm nghĩ đến lúc thức dậy; cuối đêm từ từ thức giấc, từ từ khởi thân, rồi kinh hành, tọa thiền. Đó gọi là thiện nam Nan-đà đầu đêm đến cuối đêm chuyên cần tu tập. Thiện nam Nan-đà thành tựu chánh niệm tỉnh giác thê nào? Là thiện nam Nan-đà quán sát phương Đông, nhất tâm chánh niệm, an trú quán sát. Đối với các phương Nam, phương Tây, phương Băc cũng nhát tâm chánh niệm, an trú quán sát như vậy. Nhờ quán sát như thế cho nên các pháp ác, bất thiện, tham luyên thê gian không lọt vào tâm. Thiện nam Nan-đà nhận biêt rát rõ lúc sanh khởi, lúc an trụ hoặc lúc hoại diệt của các thọ, luôn an trú chánh niệm, không đê tâm tán loạn; nhận biêt rát rõ lúc sanh khởi, lúc an trụ hoặc lúc hoại diệt của các tưởng, luôn an trú chánh niệm, không để tâm tán loạn; nhận biết rất rõ lúc sanh khởi, lúc an trụ hoặc lúc hoại diệt của các tư, luôn an trú chánh niệm, không để tâm tán loạn. Đó gọi là thiện nam Nan-đà thành tựu chánh niệm tỉnh giác. Vì vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học thế này: Đóng kín cửa các căn như thiện nam Nan-dà, ăn uống tiết độ như thiện nam Nan-đà, đầu đêm và cuối đêm chuyên cần tu tập như thiện nam Nan-đà? thành tựu chánh niệm tỉnh giác như thiện nam Nan-đà. Như pháp đã truyền dạy cho Nan-đà, truyền dạy cho người khác cũng nên như thế. [0073c04] Khi ấy, có vị Tỳ-kheo nói kệ rằng: Khéo đóng cửa các căn, Nhiếp tâm, trụ chánh niệm, Ăn uống biết tiết độ5 Nhận biết các tâm tưởng, Bậc thiện nam Nan-đà? Được Thế Tôn khen ngợi. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

QUYỂN 11 315

276. TỲ-KHEO NAN-ĐÀ THUYẾT PHÁP7 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, chúng Tỳ-kheo-ni thuộc hàng đệ tử lớn cư ngụ trong ngự viên nước Xá-vệ. Tên các Tỳ-kheo-ni ấy là Thuần-đà, Dân-đà? Ma-la-bà? Ba-la-giá- la, A-la-tỳ-ca? Sai-ma, Nan-ma, Cát-ly-xá Cù-đàm-di, Liên Hoa sắc, Ma-ha Ba-xà-ba-đề và một số Tỳ-kheo-ni khác. Khi ây, Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đê cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni tuân tự trước sau đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Thế Tôn liền vì Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích le, khiến cho hoan hỷ. Sau khi bằng nhiều cách thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ xong, Thế Tôn cho phép họ ra về nên bảo rằng: í4Tỳ-kheo-ni! Đã đến lúc nên trở về." Sau khi nghe pháp, Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề hoan hỷ và tùy hỷ? liền đảnh lễ rồi ra về. Sau khi biết Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề đã ra về, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Ta nay đã già yếu, không thể vì các Tỳ-kheo-ni mà thuyết pháp nữa. Tỳ- kheo-tăng các thầy hiện đã là bậc Thượng tọa, đầy đủ đức hạnh phải nên giảng dạy cho các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo vâng lời Thế Tôn dạy, theo thứ lớp đến giảng dạy cho các Tỳ-kheo-ni. Cứ thế, lần lượt đến phiên Nan-đà nhưng thầy ấy không muốn đi. Bay giờ, Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni tuần tự trước sau đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân Ngài (cho đến) nghe pháp xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi ra về. [0074a02] Thế Tôn biết Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề đã ra về, liền hỏi Tôn giả A-nan: -Theo thứ tự, hôm nay đến phiên ai giảng dạy giáo pháp cho các Tỳ-kheo-ni? Tôn giả

A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các Thượng tọa đã lần lượt đến giảng dạy Tỳ-kheo-ni rồi, hôm nay tới phiên Nan-đà5 nhưng Nan-đà không muốn làm giáo thọ. Thế Tôn bảo Nan-đà: -Thầy hãy giảng dạy các Tỳ-kheo-ni, vì các Tỳ-kheo-ni mà nói pháp. Vì sao như vậy? Vì Ta đã đích thân giảng dạy các Tỳ-kheo-ni nên thầy cũng phải như vậy. Ta đã vì các Tỳ-kheo-ni mà nói pháp nên thầy cũng phải như thế.

7 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02.0099.276.0073c09). Tham chiếu: M. 146, Nandakovãda Sutta (Kinh giảo giới Nandakà).

316 > KINH TẠP A-HÀM

LÚC ấy, Nan-đà im lặng vâng lời. Sáng hôm sau, Nan-đà đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ trai xong, Nan-đà trở về tinh xá, xếp cất y bát, rửa chân rồi vào thất tọa thiền. Sau khi tọa thiền, Nan-đà khoác y Tăng-già-lê, cùng với một Tỳ-kheo đi đến ngự viên. Các Tỳ-kheo-ni từ xa trông thấy Tôn giả Nan-đà đến, vội vàng trải tòa, mời Tôn giả ngồi. Tôn giả Nan-đà an tọa xong, các Tỳ-kheo-ni cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi sang một bên. Tôn giả Nan-đà nói với các Tỳ-kheo-ni: Thưa quý cô! Quý co nên hỏi tôi, tôi sẽ vì quý cô mà noi pháp. Quý cô hiểu rồi, xin nói đã hiểu; nếu không hiểu, nên nói là không hiểu. Những nghĩa lý tôi nói ra, nếu đã hiểu, hãy khéo thực hành; nếu không hiểu phải hỏi lại, tôi sẽ sẵn sàng giảng giải. Các Tỳ-kheo-ni thưa với Tôn giả Nan-đà: Chúng con hôm nay được nghe Tôn giả dạy, còn cho phép chúng con hỏi. Tôn giả bảo chúng con: "Quý cô nếu chưa hiểu thì phải hỏi, hiểu rồi xin nói đã hiểu, không hiểu thì nói là không hiểu. Những nghĩa lý tôi nói ra, nếu đã hiểu, hãy khéo thực hành; nếu không hiểu phải hỏi lại, tôi sẽ sẵn sàng giảng giai?9 Chúng con nghe được điều này trong lòng rất vui mừng. Hôm nay, nếu có nghĩa lý nào chưa hiểu, chúng con sẽ hỏi. Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà nói với các Tỳ-kheo-ni: Quý cô quán sát thấy thế nào? Nhãn căn89là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: -Thưa Tôn giả, không phải vậy! Căn của tai, mũi, lưỡi, thân và ý là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả, không phải vậy! Vì sao như thế? Thưa Tôn giả Nan-đà! Vì chúng con đã từng thấy biết như thật về pháp này, đã từng quán sát sáu căn là vô ngã,9 chúng con đã từng hiểu sáu căn là vô ngã. [0074b01] Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: -Hay thay! Hay thay! Quý cô nên hiểu đúng như vầy: "Sáu căn là vô ngã.,^ Này các Tỳ-kheo-ni! sắc trần bên ngoài là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả, không phải vậy!

8 Nguyên tác: Nhãn nội nhập xứ tức nhãn căn. Xem chú thích 6, kinh số 233, quyển 9, tr. 249; Tạp.T.02* 0099.233. 0056c02. 9 Nguyên tác: Nội lục nhập xứ ,còn viết là Tục nhập xứ",chỉ cho 6 căn. Xứ , āyatana: Cơ sở, nen tảng, nguồn cội, căn.

QUYỂN 11 317

 Thanh, hương, vị, xúc và pháp trần bên ngoài là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Không phải vậy, thưa Tôn giả! Vì sao như thế? Thưa Tôn giả Nan-đà! Vì chúng con đã từng quán sát như thật sáu trần bên ngoài là vô ngã. Chúng con thường hiêu sáu trần bên ngoài đúng như thật là vô ngã. Tôn giả Nan-đà

khen ngợi các Tỳ-kheo-ni: -Hay thay! Hay thay! Quý cô nên hiểu đúng ý nghĩa như vầy: “Sáu trần bên ngoài là vô ngâư' Vậy nếu mắt duyên với sắc sanh ra nhãn thức thì nhãn thức ấy là ngã, khác ngã, hoặc ton tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả, không phải vậy! Tai, mũi, lưỡi, thân và ý duyên với pháp sanh ra ý thức, vậy ý thức ấy là ngã, khác ngã, hoặc ton tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Không phải vậy, thưa Tôn giả! Vì sao như vậy? Vì chúng con đã từng quán sát như thật sáu thức thân này là vô ngã. Chúng con cũng thường hiểu sáu thức thân đúng như thật là vô ngã. Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: Hay thay! Hay thay! Với ý nghĩa này, quý cô nên quán sát đúng như vậy: "Sáu thức thân đún^ như thật là vô ngãL” Vậy nếu mắt duyên với sắc sanh ra nhãn thức, ba yêu tô này hòa hợp sanh ra xúc thì xúc ây là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả, không phải vậy! Tai, mũi? lưỡi, thân và ý duyên với pháp sanh ra ý thức, ba thứ này hòa hợp sanh ra xúc, vậy xúc ấy là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Không phải vậy, thưa Tôn giả! Vì sao như vậy? Vì chúng con đã từng quán sát như thật sáu xúc này là vô ngã. Chúng con cũng thường hiêu như thê, sáu xúc đúng như thật là vô ngã. Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: -Hay thay! Hay thay! Quý cô nên quán sát như thật rằng: "Sáu xúc thân này đúng thật là vô ngâL" Thế thì, mắt duyên với sắc sanh nhãn thức, ba yêu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra thọ thì thọ kia là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: -Thưa Tôn giả, không phải vậy!

Tai, mũi, lưỡi, thân và ý duyên với pháp sanh ra ý thức, ba yêu tô này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra thọ thì thọ ây là ngã, khác ngã, hoặc tôn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Không phải vậy, thưa Tôn giả! Vì sao như vậy? Vì chúng con đã từng quán sát như thật sáu thọ thân này là vô ngã. Chúng con cũng thường hiểu như thế, sáu thọ thân đúng như thật là vô ngã. [0074c02] Tôn giả Nan-đà lại bảo các Tỳ-kheo-ni: Hay thay! Hay thay! Đối với nghĩa này, quý cô nên quán sát đúng như thật rằng: "Sáu thọ thân này đúng như thật là vô ngâL" Thế thì, mắt duyên sắc sanh ra nhãn thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra tưởng thì tưởng ấy là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả, không phải vậy! -Tai, mũi, lưỡi, thân và ý duyên với pháp sanh ra ý thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra tưởng thì tưởng ấy là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Không phải vậy, thưa Tôn giả! Vì sao như vậy? Vì chúng con đã từng quán sát như thật sáu tưởng thân này là vô ngã. Chúng con cũng thường hiểu sáu tưởng thân đúng như thật là vô ngã. Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: Hay thay! Hay thay! Quý Tỳ-kheo-ni! Đôi với nghĩa này, quý cô nên quán sát đúng như thật rằng: "Sáu tưởng thân này đúng như thật là vô ngã?5 Thế thì, mắt duyên với sắc sanh ra nhãn thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra tư thì tư ấy là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả, không phải vậy! Tai, mũi, lưỡi, thân và ý duyên với pháp sanh ra ý thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra tư thì tư ây là ngã, khác ngã, hoặc tôn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Không phải vậy, thưa Tôn

giả! Vì sao như vậy? Vì chúng con đã từng quán sát như thật sáu tư thân này là vô ngã. Chúng con thường hiểu sáu tư thân đúng như thật là vô ngã. Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: -Hay thay! Hay thay! Các Tỳ-kheo-ni! Đối với nghĩa này, quý cô nên quán sát đúng như thật răng: "Sáu tư thân này đúng như thật là vô ngâL" Thể thi, mắt

duyên với sắc sanh ra nhãn thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra ái thì ái ấy là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả, không phải vậy! Tai, mũi, lưỡi, thân và ý duyên với pháp sanh ý thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra ái thì ái ấy là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Không phải vậy, thưa Tôn giả! Vì sao như vậy? Vì chúng con đã từng quán sát như thật sáu ái thân này là vô ngã. Chúng con cũng thường hiểu sáu ái thân đúng như thật là vô ngã. Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: Đối với nghĩa này, quý cô nên quán sát đúng như thật rằng: “Sáu ái thân này đúng như thật là vô ngâL" Này các Tỳ-kheo-ni! Ví như nhờ có dầu và tim đèn mà cây đèn được cháy sáng. Dầu ấy vô thường, tim đèn cũng vô thường, lửa cũng vô thường, cây đèn cũng vô thường. Nếu có người bảo rằng không cần dầu, không cần tim đèn, không cần bật lửa, không cần cây đèn mà vẫn có ánh sáng ngọn đèn và ánh sáng ấy luôn như vậy, thường hiện diện, không thay đổi thì lời nói ấy có hợp lý chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: [0075a03] Thưa Tôn giả! Không phải vậy. Vì sao như vậy? Vì nhơ dầu, tim đèn, cây đèn nên cây đèn mới sáng; dầu, tim đèn và cây đèn ấy đều vô thường. Nếu không có dầu, không tim đèn, không cây đèn thì ánh sáng của cây đèn ấy cũng theo đó mà diệt mất, trở về trạng thái tĩnh lặng, chân thật. Tôn giả Nan-đà nói: Cũng vậy, này quý cô! Sáu căn này là vô thường. Nếu có người cho rằng sáu căn này là nhân duyên sanh ra sự vui vẻ, an lạc, thường hằng, không thay đôi và luôn yên ôn thì lời nói này có đúng không? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Không đúng như vậy, thưa Tôn giả! Vì sao như thê? Vì chúng con đã từng quán sát như thật rằng, những pháp này làm duyên sanh ra những pháp kia, khi những pháp làm duyên diệt thì những pháp do duyên sanh cũng theo đó mà diệt, tất cả đều trở về trạng thái tĩnh lặng, chân thật. Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: Hay thay! Hay thay! Này các Tỳ-kheo-ni! Đối với nghĩa này, quý cô nên quán sát như thật rằng: "Những pháp này làm duyên sanh ra những pháp kia, khi những pháp làm duyên diệt thì những pháp do duyên sanh cũng theo đó mà diệt và trở về trạng thái tĩnh lặng, chân that."

Này các Tỳ-kheo-ni! Ví như gốc, cành, nhánh, lá của một cây to; gốc nó VÔ thường, cành, nhánh, lá cũng vô thường. Nêu có người bảo răng không góc, không cành, không nhánh, không lá cây, chỉ có bóng mát của cây là thường hằng, không thay đổi thì lời nói ấy có hợp lý chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả! Không phải vậy. Vì sao như vậy? Vì gốc, cành, nhánh, lá của cây to kia, góc nó vô thường, cành, nhánh, lá cũng vô thường. Nêu không gốc, không cành, không nhánh, không lá thì làm gì có bóng cây? -Thưa quý cô! Nếu duyên sáu trần bên ngoài là vô thường mà có người nói sáu trân bên ngoài là nhân duyên sanh ra sự vui vẻ, an lạc, thường hăng, không thay đổi và

luôn an ổn thì lời nói này có đúng không? -Không phải vậy, thưa Tôn giả! Vì sao như vậy? Vì chúng con đã từng đối với nghĩa này quán sát như thật rang, những pháp kia làm duyên sanh ra những pháp này, khi những pháp làm duyên diệt thì những pháp do duyên sanh cũng theo đó mà diệt, trở về trạng thái tĩnh lặng, chân thật. Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: -Hay thay! Hay thay! Các Tỳ-kheo-ni! Đoi với ý nghĩa này, quý cô hãy quán sát như thật rằng: "Những pháp này làm duyên sanh ra những pháp kia, khi những pháp làm duyên diệt thì những pháp do duyên sanh cũng theo đó mà diệt và trở về trạng thái tĩnh lặng, chân that." Quý cô hãy lắng nghe tôi nói ví dụ, người trí nhờ ví dụ để hiểu rõ. Ví như người thợ mổ bò khéo léo, hoặc học trò của ông ta, cầm dao bén mổ xẻ thịt bò, lạng lóc giữa da và thịt, không cho phạm phần thịt bên trong, cũng không để rách phần da bên ngoài, rồi họ tách rời chân căng, gân cót của con bò, sau đó dùng tâm da bò phủ lên trên nó. Nêu có người bảo rang: "Da và thịt của con bò này hoàn toàn không bi tách rời", lời nói này có đúng không? [0075Ồ05] Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả! Không đung vậy. Vì sao như thế? Vì người thợ mổ bò khéo léo, hoặc học trò của ông ta, cầm dao bén mổ xẻ thịt bò, lạng lóc giữa da và thịt, không cho phạm phàn thịt bên trong, cũng không để rách phần da bên ngoài, rồi họ tách rời chân cẳng, gân cốt của con bò? sau đó dùng tấm da bò phủ lên trên nó, thế thì da và thịt của con bò đã rời nhau, chẳng thể nào không rời. Thưa quý cô! Toi đã nói ví dụ, bây giờ tôi sẽ giải thích ý nghĩa ví dụ đó. Con trâu dụ cho sắc thô của thân người... (như Kỉnh ví dụ giỏ rắn độc đã nói chi tiết).ỵồ Phan thịt dụ cho sáu căn bên trong, phần da dụ cho sáu trần bên ngoài, người đo te dụ cho người tu tập đã thay con đường của đạo, gân xương năm trong da thịt là dụ cho hai món tham và hỷ cùng đi với nhau, dao bén dụ

1 Có 5 bài kinh trong TạpA-hàm đề cập đến ví dụ giỏ rắn độc, gồm 103; SĀ. 104; SĀ. 1033; SĀ. 1039; SA. 1172. Sau khi đôi khảo, có khả năng ví dụ ương kinh này được đề cập ở SĀ. 1172.

cho trí tuệ nhanh nhạy. Vị Thánh đệ tử đa văn dùng con dao bén trí tuệ chặt đứt mọi sự ràng buộc của kiết sử, trói buộc, tùy miên, phiền não, thượng phần phiền não, triền cái.11 Do đó5 quý cô nên học như vầy: "Đối với những pháp đáng yêu thích, tâm không nên đắm trước, vì để đoạn trừ tham. Đối với những pháp nên sân hận, tâm cũng không sân hận, vì đe đoạn trừ sân. Đối với những pháp phải si mê5 tâm không nên si mê, vì đe đoạn trừ si. Đối với năm thủ uẩn phải quán sanh diệt. Đối với sáu xúc nhập xứ phải quán sát về sự tập khởi và diệt tận của chúng. Đối với bốn niệm xứ, phải khéo buộc tâm, an trú nơi bảy giác phần. Tu bảy giác phần rồi thì đối với dục lậu kia tâm không dính mắc, tâm được giải thoát; đối với hữu lậu, tâm không dính mắc, tâm được giải thoát; đôi với vô minh lậu, tâm không dính mc, tâm được giải thoát?5 Quý cô nên học như vậy. Bây giờ, Tôn giả Nan-đà vì các Tỳ-kheo-ni mà thuyêt pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ. Sau khi mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi, Tôn giả Nan-đà rời tòa ra về. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà- ba-đê cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni quyên thuộc vây quanh đi đên chô Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên... (cho đến) cúi đầu lễ Phật rồi ra về. Sau khi biết Tỳ-kheo-ni Ma-ha

Ba-xà-ba-đề đã về rồi, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Ví như đêm mười bôn trăng sáng, nhiêu người ngăm trăng xem trăng tròn hay chưa. Nên biết vầng trăng ấy chưa tròn lắm. Cũng vậy, thiện nam Nan-đà vì năm trăm Tỳ-kheo-ni mà chính thức làm giáo thọ, giảng dạy Chánh pháp, nhimg các Tỳ-kheo-ni cũng vẫn chưa rốt ráo giải thoát. Tuy nhiên, đến khi họ r 9 lâm chung, không còn một kiêt sử nào mà chưa được đoạn trừ đê khiên họ sanh trở lại the gian này. [0075c03] Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo Nan-đà: -Thầy nên thuyết pháp cho các Tỳ-kheo-ni thêm một lần nữa. Tôn giả Nan-đà im lặng vâng lời. Sáng hôm sau, Tôn giả ôm bát vào thành khất thực. Thọ trai xong, Tôn giả đi đến ngự viên rồi ngồi xuống tòa, vì các Tỳ- kheo-ni mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khh lệ, khiến cho hoan hỷ.11 12 Sau khi mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ, Tôn giả rời tòa ra về. Hôm khác, Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni vây quanh đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài,... (cho đến) cúi đầu lễ Phật rồi ra về. Bấy giờ, Thế Tôn biết Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề đã ra về, liền nói với các Tỳ-kheo:

11 Xem chú thích 41-45, kinh số 201, quyển 8, tr. 225-26; Tạp.(02. 0099.201. 0051C11).
12 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ().Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(02. 0099?92. 0023c18).

Ví như đêm rằm trăng sáng, không còn ai nghi ngờ vầng trăng tròn hay chưa tròn, vì vầng trăng đó đã thật sự tròn đầy. Cũng vậy, thiện nam Nan-đà vì các Tỳ-kheo-ni mà truyền dạy Chánh pháp, giúp họ được giải thoát rót ráo. Đên lúc lâm chung, dù không có người nói cho họ biết con đường sẽ đến, các vị ấy r 9

cũng tự biêt mình đã vượt thoát khô đau. Đây là lời Thế Tôn thọ ký cho năm trăm Tỳ-kheo-ni chứng quả Tu-đà-hoàn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

277. KHÔNG LUẬT NGHI VÀ LUẬT NGHI13 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. _ •... À r rr-il Ạ A y l_ 9 / Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Có luật nghi và không luật nghi.14 Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thay. Thế nào là không luật nghi? Nếu nhãn căn không được phòng hộ bởi giới luật, nhãn thức sẽ đam nhiễm sắc. Do đắm nhiễm nên phát sanh cảm thọ kho. Do cảm thọ khổ nên tâm không được đinh tĩnh. Do tâm không được định tĩnh nên không đạt được thấy biết đúng như thật. Do không đạt được thấy biết đúng như thật nên không trừ được nghi hoặc. Do không đoạn trừ được nghi hoặc nên bị chúng làm cho mê lầm và mãi sống trong đau khổ. Với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy, đó gọi là không có luật nghi. Thế nào là luật nghi? Nếu nhãn căn được phòng hộ bởi giới luật, nhãn thức nhận biết sắc nhưng tâm không đắm nhiễm. Do tâm không đắm nhiễm nên được cảm thọ lạc. Do tâm thường an lạc nên được đinh tĩnh. Do tâm đinh tĩnh nên thấy biết đúng như thật. Do thấy biết đúng như thật nên đoạn trừ được nghi hoặc. Do đoạn trừ được nghi hoặc nên không bi chúng làm cho mê lầm và mãi sống trong an lạc. Với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy, đó gọi là luật nghi. [0076a01] Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan

hỷ phụng hành. ***

13 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.277. 0075c 18). Tham chiếu: s. 35.97 - IV. 78. 14 Luật nghi (samvaram)'. Những chuẩn mực đạo đức và những quy định giới luật nói chung, còn gọi là Đăng hộ, Câm giới, Hộ. Chỉ cho giới luật có khả năng phòng hộ khiến không bị lạc vào ba đường ác, gôm Biệt giải thoát luật nghi (phòng hộ bằng giới luật); Tĩnh lự luật nghi (phòng hộ bằng tu tập thiền đĩnh) và Vo lậu luật nghi (ngươi chưng đạo tự nhiên co khả phòng hộ khiên không bao giờ làm điều sai, đình chỉ mọi việc ác).

QUYÊN 11 323

278. THOÁI THẤT VÀ KHÔNG THOÁL THẤT15 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có pháp thoái thất, pháp không thoái thất và sáu thắng xứ.16 Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Thế nào là pháp thoái thất? Nghĩa là, khi mắt thấy sắc rồi sanh tâm ham muốn nên Tỳ-kheo ấy vui mừng, khen ngợi, nắm giữ, dính mắc và bị pháp ấy xoay chuyển. Nên biết Tỳ-kheo ấy đã thoái thất các pháp lành, các pháp mà Thế Tôn đã chỉ dạy. Đó gọi là pháp thoái thất. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Thế nào là pháp không thoái thất? Nghĩa là, khi mắt thấy sắc thì không sanh tâm ham muốn nên Tỳ-kheo ấy không vui mừng, không khen ngợi, không nắm giữ, không dính mác và không bi pháp ây xoay chuyên. Nên biêt Tỳ-kheo ây không thoái thất các pháp lành, các pháp mà Thế Tôn đã chỉ dạy. Đó gọi là pháp không thoái thất. Đoi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Thê nào là sáu thăng xứ? Khi mát nhìn thây săc mà không sanh tâm ham muôn, trói buộc, đăm nhiêm, nên biêt Tỳ-kheo ây đã vượt thăng được nhập xứ kia.17 Vượt thắng được nhập xứ kia, đó là điều Thế Tôn đã dạy. Đối với tai, mũi, J e lưỡi, thân và ý cũng lại như vậy. Nêu Tỳ-kheo kia đã vượt thăng được sáu xứ rồi, các kiết sử tham dục được đoạn trừ, các kiết sử sân hận? ngu si cũng được v .L . t 9y đoạn trừ. Ví như ông vua chiên thăng được quân thù thì được tôn là vua chiên thắng. Người nào đoạn trừ được mọi kiết sử trói buộc được gọi là Bà-la-môn chiến thắng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

279. ĐIỀU PHỤC SÁU CĂN18

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước

Xá-vệ*

Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo:

15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.278. 0076a03. Tham chiếu: s. 35.96 - IV. 76. 16 Nguyên tác: Lục xúc nhập xứ .Đoạn dưới ghi Tịic thắng nhập xứ". 17 Nguyên tác: Thắng bỉ nhập xứ .Nhập xứ ãyqtanã, ở đây có nghĩa là cơ sở nền tảng cua căn và trần, là sự vượt thoát khỏi sự chi phoi của căn và trần, tức là thúc không bị đắm nhiễm. 18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.279. 0076a20. Tham chiếu: s. 35.94 - IV. 70.

Đối với sáu căn mà không được điều phục, không đóng kín, không phòng h, không giữ gìn, không tu tập thì đời tương lai chắc chắn sẽ chịu quả báo đau khổ. Sáu căn là những gì? Đó là, nhãn căn không được điều phục, không đóng kín, không phòng hộ, không giữ gìn, không tu tập thì đời tương lai chắc chắn sẽ chịu quả báo đau khổ. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý căn cũng giống như vậy. Kẻ phàm phu mê muội thiếu hiểu biết khi mắt thấy sắc liền nắm giữ hình tướng, nắm giữ tướng riêng tốt đẹp, mặc cho mắt rong ruổi theo sắc mà không an trú và không giữ gìn luật nghi nên bi pháp ác, bất thiện và tham ái thế gian lọt vào tâm. Những việc như thế đều do không giữ gìn luật nghi, không phòng hộ nhãn căn. Với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Đó là đối với sáu căn mà không điều phục, không đóng kín, không phòng hộ, không giữ gìn, không tu tập thì đời tương lai chắc chắn sẽ chịu quả báo đau khổ. [0076b02] Thế nào là sáu căn khéo được điều phục, khéo đóng kín, khéo phòng hộ? khéo giữ gìn, khéo tu tập thì đời tương lai chắc chắn sẽ được phước báo an vui? Vị Thánh đệ tử đa văn khi mắt thấy sắc không nắm giữ hình tướng, không nắm giữ tướng riêng tốt đẹp, dù cho mắt nhìn đến đâu vẫn thường an trú trong luật nghi nên những pháp ác, bất thiện và tham ái ở thế gian không thể lọt vào tâm, là do có khả năng sống với luật nghi, khéo phòng hộ nhãn căn. Với tai, mũi, lưỡi, thân và ý căn cũng giống như vậy. Đó là đối với sáu căn mà khéo được điều phục, khéo đóng kín, khéo phòng hộ, khéo giữ gìn, khéo tu tập thì đời tương lai chắc chắn sẽ được phước báo an vui. Đức Phật liền nói kệ: Ngay nơi sáu căn này, Mà sống không luật nghi, Những Ty-kheo như thế, Mãi mãi chịu khổ đau. Nơi các pháp luật nghi, Luôn tinh cần tu tập, Chánh tín, tâm chuyên nhất, Phiên não chăng vào tâm. Khi mắt thấy sắc kia, Vừa ý, không vừa ý, Vừa ý, không ham muốn, Không vừa, chẳng ghét bỏ. Tai nghe những âm thanh, Ưa thích, không ưa thích, Ưa thích, không dính mắc Không thích, chẳng khởi ác. Mũi ngửi biết các mùi, Hoặc thơm hoặc không thơm, Thơm, không thơm bình dẳng, Không muốn, cũng không trái. Ăn uống, thọ các vi, Cũng có ngon và dở, Vi ngon không khởi tham, Vị dở không kén chọn. Thân xúc chạm êm ái, Mà chẳng sanh buông lung, Xúc chạm vật thô ráp, Không sanh tưởng chán ghét. Khổ vui đều xả hết, Chẳng diệt làm cho diệt, Phải quán sát tâm ý, Các tướng, các tướng kia.

Giả dối mà phân biệt, Dục tham càng tăng trưởng, Giác ngộ các ác kia, An tru tâm lìa dục. Khéo nhiếp sáu căn này, Sáu cảnh xúc không động, Dẹp sạch các ma oán, Vượt qua bờ tử sanh. [0076c02] Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

280. BÀ-LA-MÔN THÀNH TÀN-ĐẦU19 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi đến ngụ trong rừng Thân-thứ, phía Bắc thành Tần-đầu.20 Bấy giờ, các trưởng giả Bà-la-môn trong thành Tần-đầu đều nghe tin này, họ liền ra khỏi thành, đến rừng Thân-thứ, nơi Phật cư ngụ, cúi lạy sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Phật bảo các trưởng giả Bà-la-môn trong thành Tần-đầu: -Nếu có người hỏi các ông: "Những hạng Sa-môn, Bà-la-môn nào không đáng cung kính,

tôn trọng, lễ bái, cúng dường?,^ Các ông nên trả lòi: “Những Sa-môn9 Bà-la-môn nào mà mắt thấy sắc nhưng chưa lìa tham, chưa lìa dục, chưa lìa ái, chưa lìa khao khát, chưa lìa nhớ nghĩ, trong tâm không tĩnh lặng, làm những việc phi pháp, làm những việc mờ ám; khi tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị? thân xúc chạm, ý tiếp xúc các pháp cũng lại như thế. Những hạng Sa-môn, Bà-la-môn21 như vậy không đáng cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường,,, Sau khi trả lời như vậy sẽ có người lại hỏi: "Vi sao những Sa-môn? Bà-la- môn như vậy không đáng cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường?,, Các ông nên trả lời: "Chúng tôi mắt thấy sắc không lìa dục, không lìa ái, không lìa khao khát, không lìa nhớ nghĩ, trong tâm không tĩnh lặng. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý biêt pháp cũng như vậy. Những Sa-môn, Bà-la-môn kia mát thây săc cũng không lìa tham, không lìa dục, không lìa ái, không lìa khao khát, không lìa nhớ nghĩ, trong tâm không tĩnh lặng, làm những việc phi pháp, làm những việc mờ ám. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý biết pháp cũng như vậy. Tôi tìm kiếm sự khác biệt với những người ấy nhưng không thấy có sự khác biệt gì. Cho nên, tôi với những hạng Sa-môn, Bà-la-môn này giống nhau, do vậy mà tôi không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng đường.”

19 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.280. 0076c03. Tham chiếu: M. 150, Nagaravỉndeyya Sutta Kinh nói cho dân chủng Nagaravindà. 20 Tần-đầu thành Nagaravinda, một ngôi làng trong nước Kosala. 21 Nguyên tác: Tượng loại Ty-kheo .Do phần đầu của câu ghi là Tượng loại Sa-môn, Bà-la-môn nên sửa lại cho thống nhất.

Nếu họ lại hỏi: "Vậy những Sa-môn, Bà-la-môn như thế nào mới đáng cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường?,^ Các ông nên trả lời: “Những Sa-môn, Bà- la-môn khi mắt thấy sắc mà lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa khao khát, lìa nhớ nghi, 2 9 trong tâm tĩnh lăng, không làm phi pháp, việc làm chuân mực, không mờ ám. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy. Những Sa-môn, Bà-la-môn như thế đáng được cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường.,, [0077a01] Nếu họ lại hỏi: "Vi sao những Sa-môn, Bà-la-môn như thế được cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng đường?" Các ông nên trả lời: "Chúng tôi mắt thấy sắc không lìa tham, không lìa dục, không lìa ái5 không lìa khao khát, không lìa nhớ nghĩ, trong tâm không tĩnh lặng, làm những việc phi pháp, làm những việc mờ ám. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý biết cũng giống như vậy. Còn những Sa- môn9 Bà-la-môn này khi mắt thấy sắc đã lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa khao khát, lìa nhớ nghĩ, trong tâm tĩnh lặng, không làm phi pháp, việc làm chuẩn mực, không mờ ám. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý biết pháp cũng lại như vậy. Chúng tôi mà so với các Sa-môn9 Bà-la-môn như thế thì thật khác xa. Cho nên, tôi phải cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường.55 Nếu họ lại hỏi: “cc Sa-môn, Bà-la-môn kia đã làm những gì? Tướng mạo thê nào? Có đặc diêm gì? Làm sao các ông biêt những Sa-môn, Bà-la-môn ây đã lìa tham, hướng đến điều phục tham; đã lìa sân, hướng đến điều phục sân; đã lìa si, hướng đến điều phục si?" Các ông nên trả lời rằng: "Tôi thấy Sa-môn? Bà-la-môn ây thường ngôi giường tháp hoặc ngôi nệm cỏ nơi khu rừng, bên góc cây, giữa đông văng đê tu hạnh viên ly, xa lìa người nữ, ưa gân người độc cư đê cùng thiền đinh tư duy. Khi ở những nơi như vậy, mắt không

thấy sắc để sanh tham đắm, tai không nghe tiếng, mũi không ngửi mùi, lưỡi không nếm vị, thân không xúc chạm đê sanh tham đăm. Các Sa-môn, Bà-la-môn có những hành động như thế, tướng mạo như thế, đặc điểm như the nên khiến chúng tôi biết các Sa-môn, Bà-la-môn này đã lìa tham, hướng đến điều phục tham; đã lìa sân, hướng đến điều phục sân; đã lìa si, hướng đến điều phục si." Bấy giờ, các Sa-môn và trưởng giả Bà-la-môn bạch Phật: Kỳ lạ thay! Thưa Thế Tôn! Ngài không khen mình, không chê người mà chỉ nói ý nghĩa. Dựa trên nền tảng tu học của từng người mà Ngài giảng giải ô nhiễm hay thanh tinh. Ngài giảng nói về duyên khởi đúng như bậc Như Lai, ứng Cúng, Giác Ngộ Viên Mãn đã nói. Ví như người cứu kẻ chết chìm, mở cửa cho người bị giam hãm, chỉ đường cho kẻ lạc lối, thắp đèn sáng nơi tối tăm, đức Thế Tôn cũng giống như thế. Ngài không khen mình, không chê người mà chỉ nói ý nghĩa (cho đến) đúng như bậc Như Lai, ứng Cúng, Giác Ngộ Viên Mãn đã noi. Các trưởng giả Bà-la-môn thành Tần-đầu sau khi nghe Phật chỉ dạy đều vui mừng, đảnh lễ Phật rồi ra về.

281. BỆN TÓC MỤC-KIỀN-LIÊN22 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, đạo sĩ bện tóc Mục-kiền-liên23 đi đến chỗ đức Phật. Sau khi thăm hỏi nhau xong, Mục-kiền-liên liền ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn hỏi đạo sĩ bện tóc Mục-kiền-liên: - Ông từ đâu đến? Mục-kiền-liên bạch Phật: Con vừa theo chúng ngoại đạo xuất gia Sa-môn, Bà-la-môn? Giá-la-ca24 tụ hội tại giảng đường Vị Tằng để nghe pháp rồi từ đó đến đây. Đức Phật bảo đạo sĩ bện tóc Mục-kiền-liên: Ông vì lợi ích gì25 mà theo chúng ngoại đạo xuất gia Sa-môn, Bà-la-môn9 Giá-la-ca kia nghe pháp? Mục-kiền-liên thưa: Con muôn nghe họ luận bàn và tranh cãi hơn thua với nhau vê lợi ích, vì muốn nghe họ bàn luận những điều sai biệt về lợi ích. Đức Phật bảo Mục-kiền-liên: Từ xưa đến nay, các hàng ngoại đạo xuất gia Sa-môn, Bà-la-môn, Giá-la- ca ấy thường hay luận bàn và tranh cãi hơn thua với nhau về lợi ích, bàn luận những điều sai biệt về lợi ích rồi phá hoại lẫn nhau. Đạo sĩ bện tóc Mục-kiền-liên bạch Phật: -Thưa Cu-đàm! Vì lợi ích gì mà Ngài nói pháp cho các đệ tử, để họ lần lượt truyền dạy đến người khác mà không phỉ báng Như Lai, không thêm không bớt, nói chân thật, nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp,26 để không một ai có thể đến so sánh, chất vấn hay chỉ trích? Đức Phật bảo Mục-kiền-liên: Vì lợi ích của quả báo Minh và Giải thoát mà Như Lai lân lượt truyên dạy đến nhiều người để rồi họ không phỉ báng Như Lai, không thêm không bớt, nói chân thật, nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp, để không một ai có thể đến so sánh, chất vấn hay chỉ trích.

22 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.281. 0077a29. Tham chiếu: s. 46.6 - v. 73. 23 Nguyên tác: Oanh phát Mục-kiền-liên xuất gia . 24 Giá-la-ca caraka chỉ cho những vị đạo sĩ du hành. 25 Nguyên tác: Phước Ẹrc ,cũng gọi là phước lợi ,ích xứ ,lọi ích . 26 Nguyên tác: Pháp thứ ph.Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.T.02. 0099.27. 005c20.

Mục-kiền-liên bạch Phật: -Thưa Cù-đàm! Có pháp nào để các đệ tử tu tập và tu tập thuần thục2728 có *30 thể khiến cho lợi ích của Minh và Giải thoát ấy được viên mãn chăng? Đức Phật bảo Mục-kiền-liên: Có bảy giác phần,28 nếu tu tập và tu tập thuần thục thì khiến cho lợi ích của Minh, Giải thoát được viên mãn. Mục-kiền-liên bạch Phật: -Có pháp nào mà tu tập có thê khiên bảy giác phân được viên mãn chăng? Phật bảo: -Có bốn niệm xứ,29 nếu tu tập và tu tập thuần thục thì khiến cho bảy giác phần được viên mãn. Mục-kiền-liên bạch Phật: . 5 9 er r —Lại có pháp nào mà tu tập và tu tập thuần thục có thê khiên cho bôn niệm xứ được viên mãn chăng? Đức Phật bảo Mục-kiền-liên: Có ba diệu hạnh/0 nếu tu tập và tu tập thuần thục khiến cho bốn niệm xứ được viên mãn. Mục-kiền-liên bạch Phật: Lại có pháp nào mà tu tập và tu tập thuân thục có thê khiên cho ba diệu hạnh được viên mãn chăng? Đức Phật bảo Mục-kiền-liên: -Có luật nghi phòng hộ sáu căn,31 nếu tu tập và tu tập thuần thục thì khiến cho ba diệu hạnh được viên mãn. Mục-kiền-liên bạch Phật: Thế nào gọi là luật nghi phòng hộ sáu căn mà tu tập và tu tập thuần thục thì khiên cho ba diệu hạnh được viên mãn? [0077c02] Đức Phật bảo Mục-kiền-liên: -Nêu mat thây săc vừa ý, đáng yêu, đảnệ nhớ, có khả năng nuôi lớn dục lạc, khiến người vướng nhiễm; Tỳ-kheo ấy thay sắc rồi, không ưa thích, không khen ngợi, không duyên theo, không dính mắc, không trú vào. Nếu mắt thấy sắc

27 Nguyên tác: Đa tu tap ,baỉudà: Tu tập siêng năng, tu tập thuần thục. 28 Nguyên tác: Thất giác phần satta bodhipakkhiyà .Du hành kinh 01. 0001.2. 001ỒcÌlgQÌ là^tỈỊấtEiác ; thượng kinh roi. 0001.10.p054bl3 gọi la4that giác phap,v ỴA^tu-lakinh T.Ỏ1. 0026.35. 0476c21 gọi là "thất giác chí”: a Nguyên tác: Tứ niêm r.02. 0125.8.6. 0561b21 ghi là "ĩứ niệm chr it; Câu-xả luận 7.29. 1558.4. 0022c16 ghi là "tứ niệm trụ,^ Thân niệm xứ, thọ, tâm và pháp niềm xứ. 30 Nguyen tác: Tam diệu hạnh tīni sucaritāni, còn gọi tam thanh tịnh tam thiện hạnlĩ,tức 3 nghiệp từ thân, khau, ý đều trong sạch, tot đẹp. 31 Nguyên tác: Lục xúc nhập xứ ,chaphassãyatanã, tức 6 căn môn.

không vừa ý? không đáng yêu, không đáng nhớ, đưa đến cảm thọ khổ; những Tỳ-kheo khi thấy sắc như vậy không lo sợ, kh6ng ghét bỏ? không chán nản, không tức giận. Đối với sắc đẹp, đưa mắt nhìn thay rồi, vẫn hoàn toàn không vướng nhiễm; đoi với sắc không đẹp, đưa mắt nhìn thấy rồi, cũng hoàn toàn không vướng mắc; nội tâm an tru bất động, khéo tu giải thoát, tâm không lười mỏi. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý biết pháp cũng lại như vậy. Đối với sáu xúc nhập xứ mà tu tập và tu tập thuần thục như thê thì viên mãn ba diệu hạnh vậy. Tu tập ba diệu hạnh như thế nào để bốn niệm xứ được viên mãn? Vị Thánh đệ tử đa văn ở nơi thanh vắng, trong rừng núi, bên gốc cây nên tu học như vầy, tư duy như vây: "Thân này làm ác thì đời này, đời sau ăt phải chiu quả báo xâu ác. Nêu thân ta làm ác, ăt phải hôi hận, người khác khinh chê, Đạo sư quở trách, các bậc Phạm hạnh cũng như pháp mà khiển trách, tiếng xấu đồn xa, lan truyền khắp nơi, khi lâm chung đọa vào địa ngục. Thân mà làm ác thì đời này và đời sau phải

chịu quả báo như thế, cho nên đối với thân, cần từ bỏ ác hạnh, tu tập diệu hạnh. Đối với ác hạnh nơi miệng và ý cũng lại như vậy?5 Đó gọi là tu tập ba diệu hạnh rồi, bốn niệm xứ được thanh tịnh, viên mãn vậy. Tu tập bốn niệm xứ như thế nào để bảy giác phần32 được viên mãn? Này Mục- kiên-liên! Như vậy, Tỳ-kheo sông quán thân trong thân, khi vị ây sông quán thân trong thân nên nhiếp niệm, an trú, không xao nhãng. Lúc đó, vị ấy nỗ lực tu tập niệm giác phần, nỗ lực tu tập niệm giác phần rồi, được niệm giác phần viên mãn; ở nơi tâm niệm ấy mà lựa chọn pháp, tỉnh giác, suy tưởng, tư duy. Lúc đó, vị ấy nỗ lực tu tập trạch pháp giác phần, nỗ lực tu tập trạch pháp giác phần rồi, được trạch pháp giác phần viên mãn; rồi lựa chọn pháp ấy, tỉnh giác, suy tưởng, tư duy. Lúc đó, vị ấy nỗ lực tu tập tinh tấn giác phần, tu tập tinh tấn giác phần rồi, được tinh tấn giác phần viên mãn; tinh cần tinh tấn rồi, sanh tâm hoan hỷ. Lúc đó, vị ấy nỗ lực tu tập hoan hỷ giác phần, tu tập hoan hỷ giác phần rồi, được hoan hỷ giác phần viên mãn; tâm hoan hỷ rồi, thân tâm khinh an.3334 Lúc đó, vị ấy tu tập khinh an giác phần,34 tu tập khinh an giác phần rồi, được khinh an giác phần viên mãn; thân tâm tịnh lắng, thành tựu được định.35 Lúc đó, vị ấy tu tập định giác phần, tu tập định giác phần rồi, được đinh giác phần viên mãn; tâm được chuyên nhất, tham ưu chấm dứt, nội thân hành xả.36

32 Niệm giác phn ,trạch pháp giác pỊiần ,tinh tấn giác phn ^, hoan hỷ giác phần ,ỷ tức giác phần ,dinh giác phần và xả giác phân . 33 Nguyên tác: Thân tâm chỉ tức .Tham chiếu: Tạp.T.02. 0099.810. 0208ỒỒ23: Thân tâm ỷ tức . 34 Nguyên tác: Ỷ tức giác phần . 35 Nguyên tác: Tam-ma-đề còn gọi là tam-muội. 36 Nguyên tác: Nội thân hành xm .Hành xaff :Xả thuộc hành uẩn, là thái độ thản nhiên đối với những triền cái, là một trong 10 loại xả theo Thanh tỉnh đạo luận N.68. 0035.9. 0158al2 của ngài Buddhaghosa.

Vị ấy nỗ lực tu tập xả giác phần, tu tập xả giác phần rồi, thành tựu xả giác phần thanh tịnh, viên mãn. Thọ, tâm và pháp cũng tu tập như thế. Tu tập bốn niệm xứ như vậy, bảy giác phần được viên mãn. [0078a08] Tu tập bảy giác phần như thế nào để Minh và Giải thoát được viên mãn? Này Mục-kiền-liên! Nếu Tỳ-kheo tu niệm giác phần rồi nương nơi viễn ly, nương nơi ly dục, nương nơi diệt tận, hướng đến xả ly,37 tiến đến tu tập niệm giác phần, Minh và Giải thoát được thanh tinh, viên mãn. Cho đến tu tập xả giác phần cũng lại như vậy. Đó gọi là đã tu tập bảy giác phần, Minh và Giải thoát được thanh tinh, viên mãn. Như vậy, này Mục-kiền-liên! Pháp pháp nương nhau, từ bờ này qua đến bờ kia. Khi nghe đức Phật thuý ét pháp này, đạo sĩ bện tóc Mục-kiên-liên xa lìa trân câu, được pháp nhãn tịnh. Bây giờ, đạo sĩ bện tóc Mục-kiên-liên thây pháp, đác pháp, biết pháp, thể nhập giáo pháp, vượt thoát nghi ngờ, không nương ai khác, ở trong giáo pháp được vô sở úy. Thế rồi Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lê đức Phật roi chăp tay thưa răng: Bạch Thế Tôn! Nay con có thể ở trong Giáo pháp và Giới luật này xuất gia, thọ giới Cụ túc, làm phận sự Tỳ-kheo không? Đức Phật bảo Mục-kiền-liên: Nay ông được xuất gia, thọ giới Cụ túc, làm phận sự Tỳ-kheo ở

trong Giáo pháp và Giới luật này. Được xuất gia rồi, ông phải chuyên tâm tư duy, không nên buông lung, như vậy cho đến khi đắc quả A-la-hán. ***

282. TU TẬP CÁC CĂN3738

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại rừng Mâu-chân-lân-đà thuộc xứ Ca-vi-già-la.39

Bấy giờ, có vị thiếu niên tên uất-đa-la?40 là đệ tử của Ba-la-xà-na41 đến chỗ đức Phật, cung kính thăm hỏi xong rồi ngồi sang một bên.

Rồi Thế Tôn hỏi uất-đa-la:

-Thay của ông là ngài Ba-la-xà-na có dạy tu tập các căn không?

uất-đa-la trả lời:

-Có dạy, thưa Cù-đàm!

37 N^ntócịYdiệt xả .Tham chiếu: Tạp.T.02. 0099.726. 0195b23: Y diệt, hướng ư

:Tựađề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02.0099.282.0078a22. Tham chiếu: M. 152 Jndriyabhāvanā Sutta Kinh căn tu tập. 39 Nguyên tác: Ca-vi-già-la Mâu-chân-lân-đà ,Kajañgala Mukhelu. 40 Uat-da-la g,Uttara. “ J 41 Ba-la-xà-na Pārāsariya: Tên của một Bà-la-môn.

QUYỂN 11 331

Đức Phật lại hỏi: Thầy ông dạy tu tập các căn như thế nào? uất-đa-la bạch Phật: Thây con dạy răng: Mát không thây săc5 tai không nghe tiêng, đó là tu tập các căn. Đức Phật bảo uất-đa-la: Như thay Ba-la-xà-na của ông nói, chẳng lẽ người mù là người tu căn ư? Vì sao? Vì chỉ có người mù mới không thấy sắc. [0078b02] Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang đứng cầm quạt hầu sau lưng Thế Tôn, liền nói với Uat-đa-la: Như thây Ba-la-xà-na của ông nói, chăng lẽ người điêc là người tu căn ư? Vì sao như vậy? Vì chỉ có người điếc mới không nghe được tiếng. LÚC ay, The Ton bao Ton gia A-nan: Pháp này khác với pháp tu tập các căn vô thượng trong giáo pháp của Hiền thánh. Tôn giả A-nan bạch Phật: Kính xin Thế Tôn giảng dạy cho các Tỳ-kheo pháp tu tập các căn vô thượng trong giáo pháp của Hiền thánh. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ cung kính thọ trì. Đức Phật bảo A-nan: -Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ dạy cho các thầy. Mắt duyên với sắc sanh ra nhãn thức, thấy sắc vừa ý, cần phải tu theo pháp Như Lai: Yểm ly, chánh niệm và tỉnh giác.4243 Mát duyên với sác sanh ra nhãn thức, thây sác không vừa v, cân phải tu theo pháp Như Lai: Không yểm ly,43 chánh niệm và tỉnh giác. Mắt duyên sắc sanh ra nhãn thức, thấy sắc vừa ý và không vừa ý? cần tu theo pháp Như Lai: Yểm ly và không yểm ly đồng thời chánh niệm, tỉnh giác. Mắt duyên sắc sanh ra nhãn thức, thấy sắc không vừa ý và vừa ý? cần tu theo pháp Như Lai: Không yểm ly và yểm ly đồng thời chánh niệm, tỉnh giác. Mắt duyên sắc sanh ra nhãn thức, thấy sắc vừa ý, không vừa ý và cả vừa ý vừa không vừa ý5 cần tu theo pháp Như Lai: Vừa yểm ly vừa không yểm ly, an trú tâm xả và chánh niệm, tỉnh giác. Như thế, A-nan! Nếu gặp năm trường hợp như trên, tâm cần phải khéo điều phục, khéo đóng kín, khéo giữ gìn, khéo thu nhiếp, khéo tu tập, như thế chính là tu tập các căn vô thượng đối với mắt và sắc. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý

42 Nguyên tác: Chánh niệm, chánh trí sato sampajāno'. Chánh niệm, tỉnh giác. 43 Thấy sắc không vừa ý không nên khởi tâm yểm ly, để tránh bị sân chi phối.

biết pháp cũng lại như vậy. Này A-nan! Đó gọi là tu tập các căn vô thượng theo giáo pháp của Hiền thánh. Tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là bậc Hiền thánh tu tập các căn theo giáo pháp Hiền thánh? Phật bảo A-nan: Khi mắt duyên sắc sanh ra nhãn thức, khởi lên vừa ý, không vừa ý, cả vừa ý và không vừa ý. Khi ấy, vị Thánh đệ tử kia biết đúng như thật như vầy: Mắt ta duyên sắc sanh ra nhãn thức, khởi lên vừa ý, không vừa ý, cả vừa ý và không vừa ý; đây là tịch diệt, đây là thắng diệu, đều gọi là xả;44 được xả rồi, lìa cả yểm ly và không yểm ly. Ví như lực sĩ khảy móng tay; cũng vậy, mắt duyên sắc sanh ra nhăn thức, khởi lên vừa ý? không vừa ý, cả vừa ý và không vừa ý; trong khoảnh khác đêu diệt, lìa yêm ly và không yêm ly, thành tựu xả. Cũng vậy, tai duyên tiếng sanh ra nhĩ thức, sanh khởi vừa ý9 không vừa ý, cả vừa ý không vừa ý. Thánh đệ tử biết đúng như thật rằng: Nhĩ thức của ta nghe tiếng, khởi lên vừa ý, không vừa ý? cả vừa ý không vừa ý; đây là tịch diệt, thắng diệu, gọi là xả; khi được xả rôi5 lìa yêm ly và không yêm ly. Ví như lực sĩ khảy móng tay, tiêng phát ra liên diệt; cũng vậy, tai duyên tiêng sanh ra nhĩ thức, khởi lên vừa ý, không vừa ý? cả vừa ý và không vừa ý; sanh rồi liền diệt sạch, gọi là xả; được xả roi, lìa yểm ly và không yểm ly. [0078c06] Cũng vậy, mũi duyên hương sanh ra tỷ thức, khởi lên vừa ý, không vừa ý9 cả vừa ý và không vừa ý. Thánh đệ tử biêt đúng như thật như vầy: Mũi duyên hương sanh ra tỷ thức, khởi lên vừa ý, không vừa ý, cả vừa ý và không vừa ý; đây là tịch diệt, thắng diệu, gọi là xả; khi được xả rồi5 lìa yểm ly và không yêm ly. Ví như hoa sen không bi thâm nước; cũng vậy, mũi duyên hương sanh tỷ thức, khởi lên vừa ý, không vừa ý, cả vừa ý và không vừa ý; sanh rồi liền diệt sạch, gọi là xả; được xả rồi, lìa yểm ly và không yểm ly. Cũng vậy, lưỡi duyên vị sanh ra thiệt thức, khởi lên vừa ý? không vừa ý? cả vừa ý và không vừa ý. Thánh đệ tử biết đúng như thật như vầy: Lưỡi duyên vị sanh ra thiệt thức, khởi lên vừa ý, không vừa ý? cả vừa ý và không vừa ý; đây là tịch diệt, thăng diệu, gọi là xả; khi được xả rồi, lìa yểm ly và không yểm ly. Ví như lực sĩ làm sạch lưỡi, nhổ hết nước bọt; cũng vậy, lưỡi duyên vị sanh ra thiệt thức, khởi lên vừa ý, không vừa ý, cả vừa ý và không vừa ý; sanh rồi liền diệt sạch, gọi là xả; khi được xả rồi, lìa yểm ly và không yểm ly.

44 Tham chiếu: M. 152, Indriyabhāvanã Sutta (Kinh căn tu tập): Uppannarn kho me ỉdam manāpam, uppannarn amanāparn, uppannam manāpāmanāpam. Tañca kho sañkhatam olārikam paticcasamuppannam. Etarn santamr etam panītam yadidam-upekkhā (Khả ý này khởi lên nơi ta, bất khả ý này khởi lên nơi ta, khả ý và bát khả ý này khởi lên nơi ta. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. Nhưng cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả), HT. Thích Minh Châu dịch.

Thân duyên xúc sanh ra thân thức, khởi lên vừa ý5 không vừa ý9 cả vừa ý va không vừa ý; sanh rồi liền diệt sạch. Vị Thánh đệ tử biết đúng như thật như vay: Thân duyên

xúc sanh ra thân thức, khởi lên vừa ý, không vừa ý? cả vừa ý và không vừa ý; sanh rồi liền diệt sạch, tịch diệt, thắng diệu, gọi là xả; đắc xả rồi, lìa yểm ly và không yểm ly. Ví như hòn sắt nung thật nóng, rồi rưới ít giọt nước vào, nước ây liên tiêu mát; cũng vậy, thân duyên xúc sanh ra thân thức, khởi lên vừa ý5 không vừa ý9 cả vừa ý và không vừa ý; sanh rồi liền diệt sạch, gọi là xả; được xả rồi, lìa yểm ly và không yểm ly. Ý duyên pháp sanh ra ý thức, khởi lên vừa ý? không vừa ý? cả vừa ý và không vừa ý; sanh rồi liền diệt sạch. Vị Thánh đệ tử biết đúng như thật như vây: Y duyên pháp sanh ra ý thức, khởi lên vừa ý9 không vừa ý, cả vừa ý và không vừa ý; sanh rồi liền diệt tận, đây là tịch diệt, thắng diệu, gọi là xả; khi được xả rồi, lìa yểm ly và không yểm ly. Ví như lực sĩ chặt đứt ngọn cây đa-la; cũng vậy, ý duyên pháp sanh ra ý thức, khởi lên vừa ý, không vừa ý9 cả vừa ý và không vừa ý; sanh rồi liền diệt sạch, gọi là xả; khi được xả rồi, lìa yểm ly và không yểm ly. Này A-nan? đó gọi là Thánh đệ tử tu tập các căn theo giáo pháp của Hiền thánh. [0079a08] Thế nào gọi là bậc Hữu học thấy đạo45 trong giáo pháp của Hiền thánh? Đức Phật bảo A-nan: Mắt duyên sắc sanh ra nhãn thức, khởi lên vừa ý5 không vừa ý? cả vừa ý và không vừa ý; Thánh đệ tử kia hổ thẹn, chán ghét. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Ý duyên pháp sanh ra ý thức, khởi lên vừa ý? không vừa y, cả vừa ý và không vừa ý; Thánh đệ tử hổ thẹn, chán ghét. Này A-nan, đó gọi là bậc Hữu học thấy đạo trong giáo pháp của Hiền thánh. A-nan! Đó gọi là tu tập các căn vô thượng theo giáo pháp của Hiên thánh. Nay A-nan! Ta đã nói về bậc Hiền thánh tu tập các căn và đã nói về bậc Hữu học thấy đạo. Này A-nan! Ta đã vì các đệ tử4647 mà làm xong những việc cần làm, các thầy cũng nên làm những việc cần làm. Giải thích chi tiết như Kỉnh ví dụ giỏ rắn d0c.47 Đức Phật nói kinh này rồi, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.48

45 Nguyên tác: Giác kiến tích .Theo Ngũ chi vật chủ roi. 0026.179. 0721C11 và TạpM T.02. 0099.276. 0075b 11, co khả năng là Học kiến tích chỉ cho giai vị Hữu học thấy ro Thánh đế. 46 Nguyêntác: Thanh văn .Pali ghi là Sāvakā, vừa có nghĩa Thanh văn vừa có nghĩa là đệ tư . 47 Tham chiêu: Tạp.7.02. 0099.1172. 0313bl4. 48 Bản Hán, hết quyển 11.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.